

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5569**/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày **29** tháng 10 năm 2015

V/v đề xuất nội dung
trình HĐND tỉnh ban
hành Nghị quyết
(chuyên đề) năm 2016

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... 8294
	Ngày: 30.10.15
	Chuyên:..... Theo đề nghị

.....nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 287/HĐND-VP ngày 29/7/2015 về việc đề xuất nội dung cần ban hành Nghị quyết năm 2016 của HĐND tỉnh; trên cơ sở báo cáo của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND tỉnh đề xuất Thường trực HĐND tỉnh nội dung trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết (chuyên đề) năm 2016, cụ thể như sau:

I. Một số nội dung trình HĐND tỉnh trong năm 2015 chuyển sang

1. Nghị quyết về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thực hiện từ năm 2017 đến năm 2020 (*thay thế Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 của HĐND tỉnh*).

2. Nghị quyết về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thực hiện từ năm 2017 đến năm 2020 (*thay thế Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 của HĐND tỉnh*).

3. Đề án thành lập thị xã Đức Phổ và thành lập các phường thuộc thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

5. Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2016-2020.

6. Phí tham quan Khu chứng tích Sơn Mỹ.

7. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 - 2015) tỉnh Quảng Ngãi (*liên quan đến Đề án rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh*).

8. Quy định mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh.

II. Đề xuất một số nội dung mới

1. Nghị quyết về phí trông giữ xe ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp trên địa bàn tỉnh (*thay thế Nghị quyết số 60/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh*).

Cơ sở pháp lý: Thực hiện Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 60/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 về phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, đến ngày 02/01/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 02/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006.

2. Nghị quyết về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2017.

Cơ sở pháp lý: Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Nghị quyết về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2015.

Cơ sở pháp lý: Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết quy định mức đóng góp Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Thay thế Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của HĐND tỉnh*).

Cơ sở pháp lý: Luật Dân quân tự vệ ngày 23/11/2009; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Dân quân tự vệ; đồng thời, xuất phát từ thực tiễn thực hiện Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của HĐND tỉnh có một số vướng mắc.

5. Tiếp tục thực hiện Đề án đào tạo Sĩ quan dự bị bằng nguồn ngân sách địa phương năm 2016 và những năm tiếp theo.

Cơ sở ban hành: Thực hiện Nghị quyết 769-NQ/QUTƯ ngày 21/12/2012 của Quân ủy Trung ương đề ra mục tiêu: “Xây dựng đội ngũ sĩ quan dự bị đến năm 2020 phải có số lượng đủ theo nhu cầu động viên”.

6. Giao biên chế công chức, viên chức trong cơ quan của HĐND, UBND, đơn vị sự nghiệp công lập của UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố tỉnh Quảng Ngãi.

Cơ sở pháp lý: Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức, quy định trách nhiệm của HĐND cấp tỉnh; Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, quy định thẩm quyền của Bộ Nội vụ.

7. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi.

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Đề án phát triển giao thông nông thôn, thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

Cơ sở pháp lý: Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

9. Đề án bảo đảm tài chính cho chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

Cơ sở pháp lý: Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

10. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Cơ sở pháp lý: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

11. Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035.

Cơ sở pháp lý: Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu. Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực.

12. Điều chỉnh Quy hoạch phát triển Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

Cơ sở pháp lý: Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu. Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực.

13. Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Cơ sở pháp lý: Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp.

14. Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 (*Thực hiện tiếp theo giai đoạn mới, sau khi Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của HĐND tỉnh về việc Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020 đã hết thời hiệu thực hiện*).

15. Đề án Kiên cố hoá kênh mương, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2020.

Cơ sở pháp lý: Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

16. Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã và khen thưởng công trình phúc lợi cho xã đạt chuẩn nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

Cơ sở pháp lý: Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

17. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của HĐND tỉnh về việc thông qua chính sách hỗ trợ khuyến khích thực hiện chủ trương “dồn điền đổi thửa” đất sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2020.

Căn cứ ban hành: Việc thực hiện Nghị quyết này hiện nay có những vướng mắc, chưa thật sự phù hợp với tình hình thực tế, dẫn đến chưa khuyến khích và thực hiện có hiệu quả chủ trương “dồn điền đổi thửa” đất sản xuất trên địa bàn tỉnh.

18. Quy hoạch chi tiết vùng muối Sa Huỳnh tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

19. Quy hoạch vùng nguyên liệu mía tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

20. Đề án về bố trí công tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Cơ sở pháp lý: Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004; Nghị định số 71/2011/NĐ-CP, ngày 22/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Quyết định số 1555/QĐ-TTg, ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020.

21. Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Cơ sở pháp lý: Căn cứ Nghị quyết số 30a/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo; Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020.

22. Chương trình mục tiêu việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm; Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ, tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Thông tư số 23/2014/TT-LĐTĐ ngày 29/8/2014 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 03/2014/NĐ-CP.

23. Quy định mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Cơ sở pháp lý: Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế thải; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

24. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng đến năm 2020 (*thay thế Nghị quyết số 30/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 23/2009/NQ-*

HĐND ngày 10/12/2009).

Cơ sở pháp lý: Luật Khoáng sản năm 2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản năm 2010; Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

25. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025.

Các căn cứ pháp lý: Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị; Thông tư 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị.

26. Đồ án Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

Cơ sở pháp lý: Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

27. Đồ án Quy hoạch cấp nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến 2030.

Cơ sở pháp lý: Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

28. Đề án thực hiện chính sách xã hội và tạo việc làm cho đối tượng lang thang, ăn xin, bán hàng rong, bán vé số, đánh giày trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội và Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

29. Đặt tên đường trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi.

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ.

30. Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và đối với trường đại học, cao đẳng thuộc tỉnh quản lý.

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

31. Quy định mức thu học phí đối với các trường Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề công lập thuộc tỉnh quản lý.

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

Kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn đại biểu QH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTTH (Tsl19).



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng